

Số: **15/2021/QĐST-HNGĐ**

*Hải Dương, ngày **16 tháng 6 năm 2021***

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày **16 tháng 6 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con theo Quyết định mở phiên họp số 81/2021/QĐMPH-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xã A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1976.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Cộng hòa liên bang Đức.

- Người được ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án của chị Đỗ Thị M: Ông Đỗ Xuân Bình, sinh năm 1944, địa chỉ: Xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 25/11/1995 cùng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương (nay là **xã A**, thành phố Hải Dương). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không thể chia sẻ,

thấu hiểu nhau. Đồng thời, vì điều kiện kinh tế, chị M đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức từ tháng 02/2018, vợ chồng cũng ít liên lạc, không có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau và ly thân từ đó đến nay. Anh S và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh S và chị M có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Y (sinh ngày 12/8/1996), cháu Nguyễn Thị Minh A (sinh ngày 20/8/2004) và cháu Nguyễn Minh C (sinh ngày 31/8/2013). Cháu Nguyễn Thị Y đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thị Minh A (sinh ngày 20/8/2004) và cháu Nguyễn Minh C (sinh ngày 31/8/2013), anh S và chị M thống nhất thỏa thuận giao 02 con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh chị xác định cả hai đều có trách nhiệm với con nên không đặt vấn đề yêu cầu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh S và chị M cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ sự thỏa thuận của các bên đương sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh S và chị M về việc công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh S và chị M, giao cháu Nguyễn Thị Minh A và cháu Nguyễn Minh C cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh S chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh S và chị M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh Nguyễn Văn S hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Đỗ Thị M hiện đang sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các văn bản chị M gửi về đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức nên được công nhận là hợp pháp.

Chị M hiện nay sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Đỗ

Xuân B là bố đẻ giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án. Ông S đồng ý nhận ủy quyền của chị M.

Theo Công văn số **7667/QLXNC-P4** của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần cuối chị M xuất cảnh là vào ngày 15/3/2018 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C3187199, hiện nay chị M chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên họp anh S và chị M vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 25/11/1995 cùng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, **tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không thể chia sẻ, thấu hiểu nhau. Đồng thời, vì điều kiện kinh tế, chị M đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức từ tháng 02/2018, vợ chồng cũng ít liên lạc, không có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau và ly thân từ đó đến nay. Anh S và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy tình trạng vợ chồng giữa anh S và chị M đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh S và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Y (sinh ngày 12/8/1996), cháu Nguyễn Thị Minh A (sinh ngày 20/8/2004) và cháu Nguyễn Minh C (sinh ngày 31/8/2013). Cháu Nguyễn Thị Y đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu nên Tòa án không xét. Anh S và chị M đều cùng thống nhất anh S sẽ nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Minh A và cháu C, cả hai đều có trách nhiệm với con nên không đặt vấn đề yêu cầu cấp dưỡng. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh S và chị M cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ

luật Tổ tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Đỗ Thị M.
2. Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị M. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Minh A (sinh ngày 20/8/2004) và cháu Nguyễn Minh C (sinh ngày 31/8/2013) cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh S. Anh S có quyền khởi kiện yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn S về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí do Anh S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0005838 ngày 12/4/2021. Anh S đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày **16/6/2021**.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Thượng, tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

Vũ Thanh Tuấn